

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối kỳ tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 30/06/2013: 21.220 VND/USD.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 là không đáng kể

**17. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty cổ phần Nam Việt. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty cổ phần Nam Việt, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2013	01/01/2013
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền	4.557.938.684	1.201.944.760
Tiền mặt	361.955.836	529.984.293
Tiền gửi ngân hàng	4.195.982.848	671.960.467
Tiền gửi ngân hàng VND	2.830.717.749	512.780.044
Tiền gửi ngân hàng USD	65.180,74	159.180.423
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (hoặc dưới 3 tháng)	-	4.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.557.938.684</b>	<b>5.401.944.760</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>		
Khách hàng trong nước	28.789.730.379	28.153.030.025
Khách hàng nước ngoài	4.678.287.051	9.185.751.293
<b>Cộng</b>	<b>33.468.017.430</b>	<b>37.338.781.318</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		
Nhà cung cấp trong nước	11.828.790.684	12.148.351.421
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.828.790.684</b>	<b>12.148.351.421</b>
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>		
Thuế nhập khẩu tạm nộp	597.679.271	707.365.686
Tiền cho nhân viên Công ty vay mua nhà	451.586.768	451.586.768
Thuế TNCN	-	29.928.945
Phải thu khác	514.278.091	479.140.759
<b>Cộng</b>	<b>1.563.544.130</b>	<b>1.668.022.158</b>
<b>5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		
Số dư đầu kỳ	5.218.554.183	2.180.000.000
Số dự phòng trong kỳ	-	3.038.554.183
Hoàn nhập	45.494.999	-
Số dư cuối kỳ	<b>5.173.059.184</b>	<b>5.218.554.183</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	30/06/2013	01/01/2013
<b>6. Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	23.010.527.229	31.878.869.927
Công cụ, dụng cụ	102.458.361	96.930.645
Chi phí SX, KD dở dang	23.905.289.986	19.114.555.148
Thành phẩm	30.605.531.876	32.518.665.417
Hàng hoá	855.929.011	20.051.630
Hàng gửi đi bán	252.825.330	213.029.184
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>78.732.561.793</b>	<b>83.842.101.951</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.222.178.889)	(2.197.795.054)
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>76.510.382.904</b>	<b>81.644.306.897</b>
* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả	-	-
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm	-	-
* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>7. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Công cụ dụng cụ	327.684.815	471.452.901
Chi phí tư vấn thiết kế	-	445.119.775
Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản	146.298.216	-
Khác	350.382.530	117.042.657
Giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá theo thông tư 45	121.165.534	-
<b>Cộng</b>	<b>945.531.095</b>	<b>1.033.615.333</b>
<b>8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Thuế TNDN tạm nộp	-	424.050.938
Các khoản thuế khác phải thu Nhà nước	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>424.050.938</b>
<b>9. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Tạm ứng	539.628.776	510.722.798
<b>Cộng</b>	<b>539.628.776</b>	<b>510.722.798</b>
<b>10. Tài sản cố định hữu hình (xem trang 30)</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	13.774.278.800	900.098.950	14.674.377.750
Số dư cuối năm	13.774.278.800	900.098.950	14.674.377.750
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	900.098.950	900.098.950
Số dư cuối năm	-	900.098.950	900.098.950
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	13.774.278.800	-	13.774.278.800
Số dư cuối năm	13.774.278.800	-	13.774.278.800

\* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

+ Giá trị còn lại trước khi thay đổi theo Thông tư 45: 0 VND.

+ Giá trị còn lại sau khi thay đổi theo Thông tư 45: 0 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình trước khi thay đổi theo Thông tư 45: 900.098.950 VND.

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình sau khi thay đổi theo Thông tư 45: 900.098.950 VND.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang****30/06/2013****01/01/2013**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án

<i>Khu kỹ nghệ gỗ</i>	481.566.576	481.566.576
<i>Dự án tổ hợp nhà máy FC Bình Thuận</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Dàn xe SX tấm xi măng sợi và các thiết bị phụ trợ</i>	1.353.728.041	6.678.872.072
<i>CP Tư vấn QH tỷ lệ 1/500 DA khu phức hợp TM căn hộ</i>	207.749.455	207.749.455
<i>Khác</i>	34.838.972	-
<b>Cộng</b>	<b>2.177.883.044</b>	<b>7.468.188.103</b>

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (xem trang 31)****14. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác****30/06/2013****01/01/2013**

Chi phí trả trước dài hạn

**86.757.393**

-

Giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá

86.757.393

-

**Cộng****86.757.393**

-